



TỈNH ỦY GIA LAI
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH

Dự thi lớp Trung cấp Lý luận chính trị (Khóa 05), Hệ không tập trung, năm học: 2021 - 2022

(Mở tại Trung tâm Chính trị huyện Ia Pa)

Môn thi: *Học phần 1 và 2 (Khối kiến thức I)*

Ngày thi: *21/02/2022*

Thời gian: *120* phút

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh		Nơi sinh	Số tờ	Ký nộp	Điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
1	01	Nay	Ali	01/05/1982		Gia Lai	02	<i>Amo</i>	7,00	
2	02	Nguyễn Công	Bằng	08/10/1981		Hà Nam	02	<i>Nguyen</i>	7,00	
3	03	Ksor	Bluynh	12/10/1985		Gia Lai	02	<i>Bluynh</i>	6,00	
4	04	Hà Văn	Chinh	27/07/1986		Nghệ An	02	<i>Ha</i>	7,00	
5	05	Phạm Văn	Cường	15/03/1983		Gia Lai	01	<i>Pham</i>	5,00	
6	06	Bé Thị	Đào		09/09/1983	Lạng Sơn	02	<i>Bé</i>	7,50	
7	07	Huỳnh Quốc	Dũng	02/12/1986		Gia Lai	02	<i>Huynh</i>	7,50	
8	08	Phấn Thị Ánh	Dương		03/05/1989	Nam Định	02	<i>Phan</i>	7,00	
9	09	Này	Hách	15/02/1986		Gia Lai	02	<i>Nay</i>	6,00	
10	10	Đinh Thị	Hải		26/07/1979	Gia Lai	02	<i> Dinh</i>	7,00	
11	11	Nay	H'Bloanh		23/02/1977	Gia Lai	2	<i>Nay</i>	7,00	
12	12	Hoàng Thị	Hiền		25/08/1989	Quảng Trị	03	<i>Hoang</i>	8,00	
13	13	Ngô Thị Bích	Hiền		15/04/1983	Gia Lai	02	<i>Ngô</i>	6,00	
14	14	Mai Phước	Hiệp	27/07/1982		Gia Lai	2	<i>Mai</i>	6,00	
15	15	Lê Thị	Hồng		08/05/1987	Thanh Hóa	03	<i>Le</i>	8,00	
16	16	Kpă	H'Pen		02/04/1985	Gia Lai	02	<i>Kpa</i>	6,00	
17	17	Nay	H'Tem		29/04/1990	Gia Lai	03	<i>Nay</i>	8,50	
18	18	Nguyễn Thị	Huyền		27/12/1983	Hà Tĩnh	03	<i>Nguyen</i>	7,50	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh		Nơi sinh	Số tờ	Ký nộp	Điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
19	19	Rồ	H'Yí		25/10/1987	Gia Lai	02		6,50	
20	20	Bùi Tiến	Khôi	20/11/1980		Gia Lai	02		6,00	
21	21	Ngô Thị Xuân	Khuê		19/03/1989	Ninh Thuận	02		7,00	
22	22	Nguyễn Hữu	Kiều	07/06/1980		Gia Lai	02		7,00	
23	23	Văn Thị Mỹ	Linh		15/05/1978	Bình Định	02		6,00	
24	24	Trình Xuân	Long	01/02/1979		Thanh Hóa	02		6,00	
25	25	Kpă	Nam	29/03/1985		Gia Lai	02		7,50	
26	26	Bùi Thị Mỹ	Nhung		25/12/1988	Gia Lai	02		6,50	
27	27	Nguyễn Thị	Nường		31/01/1979	Hà Nam	02		5,50	
28	28	Dương Thị	Phường		17/01/1988	Bình Định	02		6,50	
29	29	Nguyễn Vi	Quang		12/12/1982	Bình Định	02		7,00	
30	30	Siu	Quynh	23/02/1981		Gia Lai	02		6,00	
31	31	Nay	Ri Ma		01/05/1989	Gia Lai	02		6,00	
32	32	Đặng Quang	Sang	01/04/1980		Bình Định	02		6,00	
33	33	Trần Thị	Tám		20/07/1979	Gia Lai	02		6,00	
34	34	Lê Thị	Tâm		06/03/1989	Gia Lai	03		6,50	
35	35	Ksor	Terry	28/10/1986		Gia Lai	02		6,50	
36	36	Đỗ Thị Thanh	Thảo		02/07/1988	Gia Lai	02		6,50	5,50
37	37	Nguyễn Thị	Thảo		21/11/1987	Lạng Sơn	02		6,50	
38	38	Phan Thị Hồng	Thiện		12/05/1988	Gia Lai			Vắng (Cm)	
39	39	Phạm Thị	Thúy		03/09/1986	Gia Lai	02		5,00	
40	40	Nguyễn Thị Thu	Thủy		07/08/1980	Gia Lai	02		6,00	
41	41	Trần Ánh	Tôn	29/08/1978		Gia Lai	02		5,50	

NG SÁN V
HƯỜNG
NH TR
INH
Y GIA

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Nơi sinh	Số tờ	Ký nộp	Điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ					
42	42	Hoàng Thị Kim Trâm		12/10/1988	Gia Lai	02		6,00	
43	43	Nguyễn Thị Phương Trang		13/12/1987	Gia Lai	02		7,50	
44	44	Trần Thị Huyền Trang		04/09/1991	Hà Nam	03		6,50	
45	45	Ksor Tuyết	28/11/1967		Gia Lai	02		6,00	
46	46	Bùi Thị Vân		08/4/1976	Hưng Yên	02		6,00	
47	47	Rmah Yur	02/01/1984		Gia Lai	02		5,50	

Tổng số: 47 học viên

Đủ điều kiện dự thi: ~~47~~....Học viên

Số học viên có mặt dự thi: ~~46~~....Học viên

Số bài nộp: ~~46~~....Bài

ĐẠI DIỆN HỌC VIÊN

CÁN BỘ ĐỌC ĐIỂM

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

CÁN BỘ COI THI 2

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

PHÒNG QLĐT & NCKH